

Bản án số: 13/2018/DS – ST
Ngày 27 - 4 - 2018
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hồng Phúc

2. Ông Tạ Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thịnh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST – DS ngày 02 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V).

Địa chỉ: 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T – Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm Quản lý pháp chế cho phòng An ninh và phòng Kiểm soát gian lận – Trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng – Ngân hàng thương mại cổ phần V.

(Theo văn bản ủy quyền số 18/2017/UQ-CT ngày 13/3/2017).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 60, đường A, phường B, thành phố C, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền lại số 531/2017/UQ-GĐK-TDĐT ngày 20/3/ 2017).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1982, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 3, thôn X, xã Z, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2017 và các lời khai tiếp theo chị Nguyễn Thị T1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 03/9/2014, chị Nguyễn Thị T1 có ký Hợp đồng tín dụng số: 201408209 – 120002 – 0005 với Ngân hàng thương mại cổ phần V (tên viết tắt V) để vay số tiền là 39.221.547đồng. Mục đích vay là: Tiêu dùng cá nhân. Hình thức vay: Vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và chị T1 thì lãi suất của khoản vay trên là 3,75%/tháng. Phương thức trả nợ là: Trả chậm trong vòng 36 tháng. Tổng số tiền chị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng trong vòng 36 tháng bao gồm cả gốc và lãi khi thực hiện hợp đồng là 72.076.000đồng, cụ thể là: Trong 35 tháng đầu mỗi tháng chị T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền 2.004.000đồng, tháng cuối cùng trả 1.936.000đồng. Kỳ thanh toán là vào ngày 03 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 03/10/2014.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, chị T1 đã nhận đủ số tiền vay. Khi đến kỳ trả nợ, chị T1 đã trả cho Ngân hàng được 09 lần, với tổng số tiền là 18.032.000đồng, trong đó số tiền gốc là 5.581.195đồng, số tiền lãi đã trả được là: 12.450.805đồng. Lần cuối cùng chị T1 thanh toán cho Ngân hàng vào ngày 28/12/2015 nhưng là để thanh toán cho kỳ thứ 9 ngày 03/6/2015 và số tiền chị T1 nộp thiếu ở kỳ thứ 8 là 4.000đồng sẽ được trừ vào số tiền gốc đã thanh toán. Như vậy kể từ kỳ thứ 10 ngày 03/7/2015 trở đi chị T1 không thanh toán thêm cho Ngân hàng khoản tiền nào khác dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần. Tính đến nay số tiền mà chị T1 còn nợ Ngân hàng là: Số nợ gốc chị T1 chưa trả cho Ngân hàng là: 33,640,352 đồng. Số tiền lãi trong hạn theo hợp đồng tín dụng chị T1 chưa trả cho Ngân hàng tính từ kỳ thứ 10 ngày 03/7/2015 đến khi hết hạn hợp đồng là kỳ 36 ngày 03/9/2017 là: 20.403.648đồng. Tổng số tiền chị T1 phải trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng là: 54.044.000đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không yêu cầu chị T1 phải chịu tiền lãi phát sinh và lãi phạt nào khác kể từ ngày hết hạn hợp đồng tín dụng đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của V yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T1 phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ của Ngân hàng là: 54.044.000đồng. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu chị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ V còn yêu cầu chị T1 phải chịu mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trên số nợ gốc còn lại là 33,640,352đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn chị Nguyễn Thị T1 đến lần thứ hai nhưng chị T1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V) là Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được thực hiện các hoạt động trung gian tiền tệ (Kinh doanh ngân hàng, kinh doanh ngoại tệ...) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 03/9/2014 giữa Ngân hàng và chị Nguyễn Thị T1 đã ký kết giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số: 201408209 – 120002 – 0005 về việc Ngân hàng cho chị T1 vay số tiền 39.221.547đồng với mục đích tiêu dùng. Do chị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V khởi kiện yêu cầu chị T1 trả nợ theo thỏa thuận trong giấy vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng ngày 03/9/2014. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản trong lĩnh vực tín dụng.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V với bị đơn chị Nguyễn Thị T1 phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của V từ năm 2014. Do bị đơn vi phạm thỏa thuận trả nợ, đến ngày 20 tháng 3 năm 2017 V khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 03/9/2014 chị Nguyễn Thị T1 ký hợp đồng số: 201408209- 120002-0005 với V vay số tiền gốc là 39.221.547 đồng . Quá trình thực hiện hợp đồng chị T1 mới trả cho V tổng số tiền là 18.032.000đồng trong đó số tiền gốc là 5.581.195đồng, số tiền lãi đã trả được là: 12.450.805đồng. Tổng số tiền chị T1 còn phải trả tính đến ngày xét xử ngày 27/4/2018 là: 33,640,352đồng tiền gốc + 20.403.648đồng tiền lãi trong hạn = 54.044.000đồng.

Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị T1: Quá trình Tòa án giải quyết có triệu tập nhiều lần nhưng chị T1 đều vắng mặt. Qua xác minh tại địa phương cũng như làm việc cùng bố đẻ chị T1 là ông Nguyễn Văn T2 cung cấp: Thời điểm chị T1 vay tiền

của V năm 2014 chị T1 đang sinh sống ở nhà chồng tại khu 1, thị trấn Q, huyện M, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, hiện nay chị T1 đã ly hôn với chồng và về ở với bố mẹ đẻ tại khu 3, thôn X, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc từ cuối năm 2017 đến nay. Hiện tại chị T1 đang làm công nhân ở thành phố C. Ông T2 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án. Các lần nhận được ông đều thông báo cho chị T1 nhưng chị T1 không có ý kiến gì. Ông không liên quan gì đến việc vay tiền của chị T1 nên ông không có ý kiến gì, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên việc V khởi kiện yêu cầu chị T1 phải thanh toán tổng số tiền gốc và tiền lãi trong hạn là: 54.044.000đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Đối với yêu cầu của V, buộc chị T1 phải tiếp tục trả lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc là 33.640.352đồng. Xét thấy, đề nghị này của đại diện V là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận là phù hợp.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T1 phải chịu tương ứng với số tiền phải trả là $54.044.000\text{đồng} \times 5\% = 2.702.000\text{đồng}$. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463; 465; 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Buộc chị Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền là 54.044.000đồng (Năm mươi tư triệu không trăm bốn mươi tư nghìn đồng). Trong đó số tiền gốc là 33.640.352đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn ba trăm năm mươi hai đồng), số tiền lãi là 20.403.648đồng (Hai mươi triệu bốn trăm linh ba nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị T1 không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu 2.702.000đồng (Hai triệu bảy trăm linh hai nghìn đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0001706 ngày 17/4/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung